

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Khóa thi: 15/9/2024 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-001	22641047	Bùi Ngọc Diễm	An	Nữ	13/04/2003	TP.HCM	A2	B301
02	A2-002	22651024	Châu Kim	Ân	Nữ	20/09/2004	TP.HCM	A2	B301
03	A2-003	22641769	Đỗ Hồng	Ân	Nữ	20/06/2004	TP.HCM	A2	B301
04	A2-004	22641633	Phan Long	Ân	Nữ	20/11/2004	Đồng Nai	A2	B301
05	A2-005	22631039	Trần Mỹ	Ân	Nữ	09/02/2002	TP.HCM	A2	B301
06	A2-006	22635063	Bùi Tuấn	Anh	Nam	26/10/2004	TP.HCM	A2	B301
07	A2-007	22635060	Huỳnh Thị Phương	Anh	Nữ	14/06/2003	Đồng Tháp	A2	B301
08	A2-008	22631475	Lê Thị Hoàng	Anh	Nữ	16/04/2004	Bình Thuận	A2	B301
09	A2-009	23631082	Nguyễn Đỗ Hoàng	Anh	Nam	06/09/2003	TP.HCM	A2	B301
10	A2-010	22631243	Nguyễn Thị Tường	Anh	Nữ	22/02/2004	Bến Tre	A2	B301
11	A2-011	22635106	Nguyễn Trương Hoàng	Anh	Nam	23/09/2004	TP.HCM	A2	B301
12	A2-012	23635016	Phạm Nguyễn Phương	Anh	Nữ	09/01/2004	Vĩnh Long	A2	B301
13	A2-013	22631506	Phạm Thanh Lâm	Anh	Nữ	29/07/2004	TP.HCM	A2	B301
14	A2-014	22641492	Trần Ngọc Lan	Anh	Nữ	12/7/2004	TP.HCM	A2	B301
15	A2-015	21661069	Trần Phạm Tuấn	Anh	Nam	06/10/2003	Bình Thuận	A2	B301
16	A2-016	23600281	Trương Minh	Anh	Nữ	15/06/2005	Hà Nam	A2	B301
17	A2-017	23600069	Võ Nguyễn Hoàng Vân	Anh	Nữ	13/12/2005	Long An	A2	B301
18	A2-018	22641513	Nguyễn Ngọc Hồng	Ánh	Nữ	17/11/2004	TP.HCM	A2	B301
19	A2-019	22631066	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	28/10/2004	Bình Phước	A2	B301
20	A2-020	23661086	Bùi Quốc	Bảo	Nam	20/03/2005	Long An	A2	B301
21	A2-021	20661010	Nhan Gia	Bảo	Nam	06/11/2001	Trà Vinh	A2	B301
22	A2-022	23611152	Vương Quốc	Bình	Nam	23/07/2005	TP.HCM	A2	B301
23	A2-023	22631183	Võ Ngọc Minh	Châu	Nữ	19/09/2004	Kiên Giang	A2	B301
24	A2-024	22635041	Châu Thị Mỹ	Chi	Nữ	20/07/2004	An Giang	A2	B301
25	A2-025	22631094	Lê Kim	Chi	Nữ	19/11/2004	Đồng Tháp	A2	B301
26	A2-026	22611195	Lê Thị Kim	Chi	Nữ	02/08/2004	Tiền Giang	A2	B301
27	A2-027	22671017	Nguyễn Khánh	Chung	Nữ	08/02/2004	Bình Thuận	A2	B301
28	A2-028	23661064	Nguyễn Duy	Cường	Nam	21/05/2005	Đắk Nông	A2	B301
29	A2-029	22631048	Nguyễn Linh	Đa	Nữ	30/11/2003	TP.HCM	A2	B301
30	A2-030	23600020	Trần Ngọc Phương	Đài	Nữ	15/01/2001	TP.HCM	A2	B301
31	A2-031	21661045	Nguyễn Gia	Đạt	Nam	15/07/2003	TP.HCM	A2	B301
32	A2-032	22635114	Võ Đại Minh	Đầu	Nam	16/12/2004	Bình Phước	A2	B301
33	A2-033	18641664	Nguyễn Kiều	Diễm	Nữ	08/10/1999	Cà Mau	A2	B301
34	A2-034	23611096	Nguyễn Thị Thùy	Diệu	Nữ	13/11/2005	Lâm Đồng	A2	B301

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Khóa thi: 15/9/2024 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-035	22631052	Phạm Thị Ngọc	Diệu	Nữ	05/02/2004	Long An	A2	B302
02	A2-036	21631417	Nguyễn Thị Thu	Diệu	Nữ	10/03/2003	TP.HCM	A2	B302
03	A2-037	23635040	Nguyễn Hoang	Đức	Nam	17/12/2005	Tây Ninh	A2	B302
04	A2-038	23635041	Phạm Thị Thanh	Dung	Nữ	27/01/2005	Ninh Thuận	A2	B302
05	A2-039	22631053	Bùi Thị Mỹ	Dung	Nữ	06/10/2003	Bình Dương	A2	B302
06	A2-040	22631249	Mai Thị Thùy	Dương	Nữ	28/10/2004	Thanh Hóa	A2	B302
07	A2-041	22662045	Lê Đăng Bảo	Duy	Nam	11/05/2004	TP.HCM	A2	B302
08	A2-042	21641102	Lê Khánh	Duy	Nam	25/03/2002	Long An	A2	B302
09	A2-043	22641811	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	12/09/2003	Đồng Nai	A2	B302
10	A2-044	21631400	Lương Mỹ	Duyên	Nữ	02/09/2003	TP.HCM	A2	B302
11	A2-045	22611175	Lưu Huỳnh Mỹ	Duyên	Nữ	24/01/2004	Long An	A2	B302
12	A2-046	23635039	Lưu Thị Thảo	Duyên	Nữ	09/01/2005	Trà Vinh	A2	B302
13	A2-047	22631543	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	Nữ	21/03/1995	Bến Tre	A2	B302
14	A2-048	22631405	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	19/09/2002	TP.HCM	A2	B302
15	A2-049	22631563	Võ Thị Thanh	Duyên	Nữ	22/11/2004	Quảng Ngãi	A2	B302
16	A2-050	22611151	Ngô Mỹ	Duyên	Nữ	23/11/2004	Quảng Ngãi	A2	B302
17	A2-051	21611239	Bạch Ngọc Hương	Giang	Nữ	11/01/2003	TP.HCM	A2	B302
18	A2-052	22641604	Phạm Thị Cẩm	Giang	Nữ	24/06/2003	Đắk Lắk	A2	B302
19	A2-053	23635154	Nguyễn Thị Ánh	Hà	Nữ	05/08/2005	Quảng Ngãi	A2	B302
20	A2-054	22631257	Nguyễn Thị Ngân	Hà	Nữ	07/05/2004	Bình Phước	A2	B302
21	A2-055	21661096	Lê Phương	Hạ	Nữ	12/04/2002	TP.HCM	A2	B302
22	A2-056	22635113	Trần Gia	Hân	Nữ	20/10/2004	Bình Thuận	A2	B302
23	A2-057	21634007	Trần Thị Thu	Hân	Nữ	12/01/2003	Tây Ninh	A2	B302
24	A2-058	22631415	Bùi Thị Tuyết	Hân	Nữ	14/09/2004	Bình Định	A2	B302
25	A2-059	22641190	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	02/03/2004	Quảng Ngãi	A2	B302
26	A2-060	22635072	Nguyễn Anh	Hào	Nam	10/06/2003	TP.HCM	A2	B302
27	A2-061	21634014	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	10/12/2001	Đắk Lắk	A2	B302
28	A2-062	22641820	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	13/12/2004	Bình Dương	A2	B302
29	A2-063	23641168	Phạm Phúc	Hậu	Nữ	12/04/2005	Tiền Giang	A2	B302
30	A2-064	22635049	Ngô Thị Hiền	Hiền	Nữ	01/04/2004	Thanh Hoá	A2	B302
31	A2-065	21631510	Vũ Phạm Thu	Hiền	Nữ	08/01/2002	Bình Phước	A2	B302
32	A2-066	22662055	Tôn Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	09/06/1998	Quảng Nam	A2	B302
33	A2-067	22641491	Lưu Đức	Hoà	Nam	08/09/2004	TP.HCM	A2	B302
34	A2-068	22635051	Nguyễn Hòa	Hòa	Nam	04/02/2002	Đắk Lắk	A2	B302
35	A2-069	22661056	Nguyễn Hải	Hoài	Nam	16/09/2004	Phú Tân	A2	B302

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Khóa thi: 15/9/2024 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-070	22631212	Võ Thị	Hoanh	Nữ	20/09/2003	Quảng Ngãi	A2	B303
02	A2-071	22611209	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	28/08/2004	Thanh Hóa	A2	B303
03	A2-072	22651026	Tiêu Thiên	Hồng	Nữ	27/09/2004	TP.HCM	A2	B303
04	A2-073	23662006	Chiêm Tấn	Hung	Nam	23/01/2000	Kiên Giang	A2	B303
05	A2-074	22631029	Lữ Thị Mai	Hương	Nữ	01/09/1999	Quảng Ngãi	A2	B303
06	A2-075	22631198	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	20/03/2004	Thanh Hoá	A2	B303
07	A2-076	22635089	Võ Thị Lan	Hương	Nữ	04/04/2004	Tiền Giang	A2	B303
08	A2-077	21634002	Nguyễn Đình	Huy	Nam	01/05/2002	à Rịa - Vũng T	A2	B303
09	A2-078	22661115	Nguyễn Trung Gia	Huy	Nam	29/05/2004	TP.HCM	A2	B303
10	A2-079	22662026	Nguyễn Vũ	Huy	Nam	06/09/2004	Bình Thuận	A2	B303
11	A2-080	22682036	Lê Nguyễn Ngọc	Hy	Nữ	04/02/1999	Tiền Giang	A2	B303
12	A2-081	22641290	Võ Khải	Khải	Nam	15/08/2004	Đồng tháp	A2	B303
13	A2-082	23600111	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	08/10/2002	An Giang	A2	B303
14	A2-083	22635066	Vương Diệu	Khánh	Nam	26/10/2002	TP.HCM	A2	B303
15	A2-084	23600251	Trang Sỹ	Khoa	Nam	09/10/2005	à Rịa - Vũng T	A2	B303
16	A2-085	22641496	Nguyễn Thành	Khôi	Nam	27/10/2001	Lâm Đồng	A2	B303
17	A2-086	22635023	Nguyễn Hải	Khương	Nam	15/04/2003	Cà Mau	A2	B303
18	A2-087	23662007	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	13/07/2003	An Giang	A2	B303
19	A2-088	22641742	Trần Quốc	Kiệt	Nam	16/10/2004	TP.HCM	A2	B303
20	A2-089	21641536	Lại Thiên	Kim	Nữ	09/12/2003	Đồng Nai	A2	B303
21	A2-090	22631077	Đỗ Ngọc Phương	Lam	Nữ	10/09/2004	Long An	A2	B303
22	A2-091	21641640	Đỗ Đàm Ngọc	Lan	Nữ	29/10/2003	Đắk Lắk	A2	B303
23	A2-092	22641459	Nguyễn Công	Lập	Nam	13/08/2004	TP.HCM	A2	B303
24	A2-093	21631011	Chu Thị Nhật	Lệ	Nữ	08/08/1998	Bình Phước	A2	B303
25	A2-094	22641464	Bùi Thị Kim	Liên	Nữ	06/02/2003	Kiên Giang	A2	B303
26	A2-095	22611036	Nguyễn Thị Phụng	Liên	Nữ	08/08/2004	Long An	A2	B303
27	A2-096	22661100	Nguyễn Chí	Linh	Nam	08/08/2003	Bạc Liêu	A2	B303
28	A2-097	21621183	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	13/05/2003	Bình Định	A2	B303
29	A2-098	23681028	Nguyễn Tú	Linh	Nữ	20/01/2005	TP.HCM	A2	B303
30	A2-099	22682015	Trần Thị Kiều	Linh	Nữ	14/09/2004	TP.HCM	A2	B303
31	A2-100	22641353	Trương Hoàng Gia	Linh	Nữ	30/05/2004	TP.HCM	A2	B303
32	A2-101	22631570	Võ Ngọc	Linh	Nữ	18/09/2004	TP.HCM	A2	B303
33	A2-102	22631193	Nguyễn Thị Nhật	Linh	Nữ	20/3/2004	Bình Phước	A2	B303
34	A2-103	23631240	Phạm Thị Bích	Loan	Nữ	18/11/2005	Hà Nam	A2	B303
35	A2-104	22631044	Võ Thị Hồng	Loan	Nữ	04/03/2003	TP.HCM	A2	B303

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Khóa thi: 15/9/2024 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-105	21641608	Trương Thanh	Long	Nam	28/01/2003	Quảng Ngãi	A2	B304
02	A2-106	21661068	Nguyễn Công	Luận	Nam	31/08/2003	Long An	A2	B304
03	A2-107	20641956	Châu Văn	Luôn	Nam	16/02/2002	Trà vinh	A2	B304
04	A2-108	23600085	Trần Thị Cẩm	Ly	Nữ	16/03/2005	Gia Lai	A2	B304
05	A2-109	22641348	Bùi Ngọc	Mai	Nữ	09/04/2004	TP.HCM	A2	B304
06	A2-110	23635047	Huỳnh Xuân	Mai	Nữ	02/10/2002	Đồng Tháp	A2	B304
07	A2-111	23631038	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	13/05/2001	Bắc Ninh	A2	B304
08	A2-112	22631472	Phạm Thị Minh	Mẫn	Nữ	17/11/2004	Long An	A2	B304
09	A2-113	21631103	Phan Lê	Mẫn	Nữ	15/06/2003	Long An	A2	B304
10	A2-114	23611054	Huỳnh Thị Triều	Mến	Nữ	28/10/2005	Bình Định	A2	B304
11	A2-115	22641227	Nguyễn Thị	Mến	Nữ	29/10/2004	Quảng Ngãi	A2	B304
12	A2-116	22631008	Nguyễn Thị Diễm	Mi	Nữ	21/01/2003	Bình Định	A2	B304
13	A2-117	23631386	Lê Ngọc Trà	My	Nữ	29/12/2002	Đồng Tháp	A2	B304
14	A2-118	22612042	Lưu Thị Phước	My	Nữ	16/11/2003	Long An	A2	B304
15	A2-119	22631590	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	09/06/2004	Quảng Ngãi	A2	B304
16	A2-120	20641074	Nguyễn Thị Hà	My	Nữ	03/02/2000	Đắk Lắk	A2	B304
17	A2-121	21631480	Trần Thị Hoài	My	Nữ	22/01/2003	Bình Phước	A2	B304
18	A2-122	20682009	Bùi Thị Cẩm	Mỹ	Nữ	20/12/2002	Bình Phước	A2	B304
19	A2-123	22641789	Lê Thị Hồng	Mỹ	Nữ	12/02/2004	Quảng Ngãi	A2	B304
20	A2-124	22611216	Dương Thị Nguyệt	Nga	Nữ	11/01/2004	Đắk Lắk	A2	B304
21	A2-125	22611222	Trần Ngọc Thiên	Nga	Nữ	13/08/2004	Ninh Thuận	A2	B304
22	A2-126	22631037	Đặng Quỳnh	Ngân	Nữ	15/10/2004	Kiên Giang	A2	B304
23	A2-127	22641019	Đỗ Thị Ngọc	Ngân	Nữ	26/09/2003	Long An	A2	B304
24	A2-128	22631078	Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	22/03/2004	Long An	A2	B304
25	A2-129	22631038	Nguyễn Dương Ánh	Ngân	Nữ	21/05/1999	TP.HCM	A2	B304
26	A2-130	22631467	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	Nữ	18/12/2002	TP.HCM	A2	B304
27	A2-131	23631272	Nguyễn Phan Thảo	Ngân	Nữ	20/09/2005	Lâm Đồng	A2	B304
28	A2-132	22631045	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	26/09/2003	TP.HCM	A2	B304
29	A2-133	22641295	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Nữ	01/03/2003	Đắk Lắk	A2	B304
30	A2-134	22641738	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	Nữ	16/09/2004	Long An	A2	B304
31	A2-135	23631037	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	10/02/2001	TP.HCM	A2	B304
32	A2-136	22641451	Thái Thị Thúy	Ngân	Nữ	12/10/2004	Tiền Giang	A2	B304
33	A2-137	22682059	Trần Thị Thanh	Ngân	Nữ	11/08/2004	Bến Tre	A2	B304
34	A2-138	22631259	Hồ Thị Thanh	Ngân	Nữ	07/02/2004	Đắk Lắk	A2	B304
35	A2-139	22631512	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	02/01/2004	TP.HCM	A2	B304

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Khóa thi: 15/9/2024 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-140	22641209	Phạm Thanh	Ngân	Nữ	16/01/2004	Quảng Ngãi	A2	B305
02	A2-141	23611081	Thái Thị Kim	Ngân	Nữ	19/11/2005	TP.HCM	A2	B305
03	A2-142	22641344	Bùi Thị Bảo	Nghi	Nữ	13/03/2004	Bình Phước	A2	B305
04	A2-143	22631536	Yến Bảo	Nghi	Nữ	22/03/1990	TP.HCM	A2	B305
05	A2-144	22631054	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	19/08/2004	TP.HCM	A2	B305
06	A2-145	22611207	Thị Thúy	Ngoan	Nữ	07/07/2004	Kiên Giang	A2	B305
07	A2-146	22612051	Huỳnh Thị Hồng	Ngọc	Nữ	03/03/2004	Bình Định	A2	B305
08	A2-147	22641797	Tăng Mỹ	Ngọc	Nữ	20/05/2004	TP.HCM	A2	B305
09	A2-148	22641630	Thạch Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	05/07/2004	TP.HCM	A2	B305
10	A2-149	22682053	Nguyễn Hữu	Nguyên	Nam	28/04/2003	TP.HCM	A2	B305
11	A2-150	22641064	Nguyễn Thành	Nguyên	Nam	12/12/2004	Phú Yên	A2	B305
12	A2-151	20641684	Nguyễn Thị Thuý	Nguyên	Nữ	11/02/2002	TP.HCM	A2	B305
13	A2-152	22611119	Nguyễn Thị Trúc	Nguyên	Nữ	14/12/2004	Long An	A2	B305
14	A2-153	21631018	Thái Thị Thanh	Nhã	Nữ	17/08/2001	Long An	A2	B305
15	A2-154	22635092	Vy Thanh	Nhật	Nam	01/01/2004	Đắk Nông	A2	B305
16	A2-155	22631459	Bùi Linh	Nhi	Nữ	28/07/2004	Long An	A2	B305
17	A2-156	21611244	Huỳnh Đặng Phương	Nhi	Nữ	16/01/2003	Đồng Nai	A2	B305
18	A2-157	23681010	Huỳnh Nguyễn Bình	Nhi	Nữ	27/01/2005	TP.HCM	A2	B305
19	A2-158	22631246	Lâm Tuyết	Nhi	Nữ	24/01/2004	TP.HCM	A2	B305
20	A2-159	21611215	Lê Thị Ngọc	Nhi	Nữ	09/11/2003	Phú Yên	A2	B305
21	A2-160	22631460	Lê Thị Tuyết	Nhi	Nữ	21/03/2004	Tiền Giang	A2	B305
22	A2-161	22641649	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	20/10/2002	TP.HCM	A2	B305
23	A2-162	22682050	Nguyễn Xuân Nhi	Nhi	Nữ	18/02/2004	Đồng Nai	A2	B305
24	A2-163	22641510	Thạch Thị Viêne	Nhi	Nữ	06/12/2004	Trà Vinh	A2	B305
25	A2-164	21631275	Trần Thảo	Nhi	Nữ	20/12/2003	TP.HCM	A2	B305
26	A2-165	22641563	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	16/06/2004	TP.HCM	A2	B305
27	A2-166	23611067	Vũ Hoàng Yến	Nhi	Nữ	08/08/2005	Đồng Nai	A2	B305
28	A2-167	23611174	Đặng Bảo	Như	Nữ	10/09/2005	TP.HCM	A2	B305
29	A2-168	23635025	Đỗ Thị Thuý	Như	Nữ	13/11/2004	Bình Phước	A2	B305
30	A2-169	20631054	Mai Ngụy Tuyết	Như	Nữ	15/04/2000	TP.HCM	A2	B305
31	A2-170	22631032	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Như	Nữ	01/04/2003	TP.HCM	A2	B305
32	A2-171	22631578	Nguyễn Kim Gia	Như	Nữ	01/05/2004	Lâm Đồng	A2	B305
33	A2-172	23635137	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	22/04/2000	TP.HCM	A2	B305
34	A2-173	22631220	Phạm Thị Huỳnh	Như	Nữ	30/06/2004	Tiền Giang	A2	B305
35	A2-174	22641640	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	11/10/2004	Tiền Giang	A2	B305

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Khóa thi: 15/9/2024 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-175	21631422	Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	01/11/2003	Thanh Hóa	A2	B306
02	A2-176	23651029	Lê Thị Mỹ	Nương	Nữ	04/03/2005	TP.HCM	A2	B306
03	A2-177	22635080	Nguyễn Cẩm	Phong	Nam	30/12/2004	TP.HCM	A2	B306
04	A2-178	22635054	Nguyễn Minh	Phú	Nam	18/07/2003	TP.HCM	A2	B306
05	A2-179	22631114	Phạm Hoàng	Phúc	Nam	30/08/2004	TP.HCM	A2	B306
06	A2-180	19635142	Võ Thanh	Phúc	Nam	21/04/2001	Tiền Giang	A2	B306
07	A2-181	22641286	Văn Hoàng	Phúc	Nam	14/01/2004	Long An	A2	B306
08	A2-182	22682006	Hứa Ngọc	Phụng	Nữ	02/08/2002	TP.HCM	A2	B306
09	A2-183	22631056	Nguyễn Thị Minh	Phuong	Nữ	07/01/2001	TP.HCM	A2	B306
10	A2-184	22682051	Nguyễn Thị Thùy	Phuong	Nữ	08/11/2004	Bình Phước	A2	B306
11	A2-185	22612035	Phú Thị Kiều	Phuong	Nữ	30/04/2000	TP.HCM	A2	B306
12	A2-186	22641801	Lợi Quế	Phượng	Nữ	06/10/2004	TP.HCM	A2	B306
13	A2-187	22641354	Thị Nguyễn Anh	Phuong	Nữ	05/12/2003	Tây Ninh	A2	B306
14	A2-188	22641345	Nguyễn Minh	Quân	Nam	26/7/2004	Đồng Nai	A2	B306
15	A2-189	22631591	La Duy	Quang	Nam	16/04/2004	TP.HCM	A2	B306
16	A2-190	22641232	Nguyễn Quốc	Qui	Nam	07/09/2004	Đồng Tháp	A2	B306
17	A2-191	22641727	Dương Thị Phú	Quý	Nữ	19/01/2004	Bình Định	A2	B306
18	A2-192	22631500	Hàng Bờ Su	Quý	Nữ	27/07/2003	Lâm Đồng	A2	B306
19	A2-193	22661117	Nguyễn Quang	Quý	Nam	13/08/2003	Đắk Lắk	A2	B306
20	A2-194	22611081	Nguyễn Thảo	Quyên	Nữ	27/05/2004	TP.HCM	A2	B306
21	A2-195	22631086	Nguyễn Yến Ngọc	Quyên	Nữ	25/04/2003	Đồng Tháp	A2	B306
22	A2-196	23600019	Trần Ngọc Phương	Quyên	Nữ	28/07/2004	TP.HCM	A2	B306
23	A2-197	22631110	Hàng Như	Quỳnh	Nữ	06/08/2003	TP.HCM	A2	B306
24	A2-198	23635049	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	19/04/2005	Long An	A2	B306
25	A2-199	22611185	Nguyễn Phương	Quỳnh	Nam	17/02/1998	Đồng Nai	A2	B306
26	A2-200	22682022	Trịnh Thị Xuân	Quỳnh	Nữ	20/04/2003	Đắk Lắk	A2	B306
27	A2-201	23662059	Nguyễn Tấn	Sang	Nam	10/07/2005	Đắk Nông	A2	B306
28	A2-202	22641794	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	29/09/2004	Tiền Giang	A2	B306
29	A2-203	21662034	Nguyễn Văn	Sang	Nam	03/09/2002	Thừa Thiên Huế	A2	B306
30	A2-204	22641360	Nguyễn Hồ Hải	Son	Nam	22/08/2004	à Rịa - Vũng T	A2	B306
31	A2-205	22611092	Phạm Quốc	Tài	Nam	22/02/2004	TP.HCM	A2	B306
32	A2-206	21661071	Huỳnh Quế	Tâm	Nữ	12/10/2003	Tây Ninh	A2	B306
33	A2-207	22631486	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	08/04/2004	Bến Tre	A2	B306
34	A2-208	22631518	Vũ Minh	Tâm	Nữ	23/04/2004	TP.HCM	A2	B306
35	A2-209	22661024	Lâm Văn	Tấn	Nam	02/10/2004	TP.HCM	A2	B306

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Khóa thi: 15/9/2024 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-210	22662041	Đoàn Quốc	Thái	Nam	03/05/2004	Đồng Nai	A2	B403
02	A2-211	22641737	Huỳnh Quốc	Thái	Nam	31/10/2002	TP.HCM	A2	B403
03	A2-212	22611206	Đinh Văn	Thắng	Nam	27/10/2004	Kiên Giang	A2	B403
04	A2-213	22661055	Võ Xuân	Thắng	Nam	08/07/2001	Đắk Lắk	A2	B403
05	A2-214	23600004	ĐẶNG THỊ LAN	THANH	Nữ	22/09/2003	TP.HCM	A2	B403
06	A2-215	22661137	Huỳnh Trung	Thành	Nam	06/04/2003	An Giang	A2	B403
07	A2-216	22641307	Nguyễn Chí	Thành	Nam	14/11/2004	Bến Tre	A2	B403
08	A2-217	20661039	Nguyễn Đức	Thành	Nam	30/10/2002	à Rịa - Vũng T	A2	B403
09	A2-218	22641349	Lê Thị Nhật	Thanh	Nữ	03/11/2003	Bình Phước	A2	B403
10	A2-219	22631181	Đoàn Thạch	Thảo	Nữ	26/10/2004	Bến Tre	A2	B403
11	A2-220	22641867	Lương Đỗ Thanh	Thảo	Nữ	02/07/2004	TP.HCM	A2	B403
12	A2-221	23641011	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	29/08/2003	TP.HCM	A2	B403
13	A2-222	22641603	Phạm Thị Kim	Thảo	Nữ	20/08/2004	Ninh Thuận	A2	B403
14	A2-223	23635059	Phan Thị Phương	Thảo	Nữ	12/02/2005	TP.HCM	A2	B403
15	A2-224	23631269	Phan Thị Thanh	Thảo	Nữ	20/04/2005	Đồng Nai	A2	B403
16	A2-225	22631236	Vũ Thanh	Thảo	Nữ	26/08/2004	Đồng Nai	A2	B403
17	A2-226	22635016	Khru Tú	Thảo	Nữ	03/05/2003	TP.HCM	A2	B403
18	A2-227	22635112	Dương Đình	Thêm	Nam	13/01/2004	Thừa Thiên Hu	A2	B403
19	A2-228	22641435	Nguyễn Lê Xuân	Thi	Nữ	01/11/2004	TP.HCM	A2	B403
20	A2-229	23635184	Trương Ngọc	Thía	Nữ	16/03/2004	Cà Mau	A2	B403
21	A2-230	22662059	Nguyễn Hoàng	Thiện	Nam	01/11/2004	TP.HCM	A2	B403
22	A2-231	22661145	Nguyễn Phúc	Thiện	Nam	06/04/1998	Hậu Giang	A2	B403
23	A2-232	22611179	Nguyễn Thanh	Thịnh	Nam	31/08/2004	Bình Thuận	A2	B403
24	A2-233	22631544	Nguyễn Thị Thanh	Thơ	Nữ	12/06/1997	Bến Tre	A2	B403
25	A2-234	23635128	Lương Thị Kim	Thoa	Nữ	25/05/2005	Tây Ninh	A2	B403
26	A2-235	22662022	Phạm minh	Thông	Nam	04/02/2004	TP.HCM	A2	B403
27	A2-236	22641143	Lê Huỳnh Hoài	Thu	Nữ	19/09/2003	Tiền Giang	A2	B403
28	A2-237	22641650	Nguyễn Thị Mỹ	Thu	Nữ	24/07/2004	Long An	A2	B403
29	A2-238	23662050	Trần Nhiệm	Thu	Nam	01/10/2001	TP.HCM	A2	B403
30	A2-239	22631533	Đặng Trần Minh	Thư	Nữ	08/08/2004	TP.HCM	A2	B403
31	A2-240	22631027	Huỳnh Mai Anh	Thư	Nữ	22/10/2003	TP.HCM	A2	B403
32	A2-241	22641181	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	11/12/2004	Đắk Lắk	A2	B403
33	A2-242	22641839	Nguyễn Ngọc Xuân	Thư	Nữ	10/07/2001	TP.HCM	A2	B403
34	A2-243	22641423	Tô Ngọc Anh	Thư	Nữ	28/01/2003	An Giang	A2	B403
35	A2-244	22641084	Nguyễn Võ Hoài	Thuận	Nam	26/04/2003	Bến Tre	A2	B403

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Khóa thi: 15/9/2024 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-245	21641327	Đinh Hoai	Thương	Nữ	05/10/2003	Đồng Nai	A2	B408
02	A2-246	23631197	Lê Thị Thanh	Thúy	Nữ	09/04/2005	Lâm Đồng	A2	B408
03	A2-247	23641450	Phạm Ngọc Thanh	Thúy	Nữ	02/05/2005	TP.HCM	A2	B408
04	A2-248	23635033	Nguyễn Bảo Phương	Thủy	Nữ	01/01/2005	Đồng Nai	A2	B408
05	A2-249	22641294	Nguyễn Thị Kim	Thủy	Nữ	09/03/2004	TP.HCM	A2	B408
06	A2-250	22635050	Mai Bích	Thy	Nữ	23/10/2004	TP.HCM	A2	B408
07	A2-251	22641127	Trần Thị Mộng	Thy	Nữ	21/06/2004	Long An	A2	B408
08	A2-252	21634006	Võ Anh	Thy	Nữ	24/10/2001	Long An	A2	B408
09	A2-253	22611152	Lê Thị Mỹ	Tiên	Nữ	25/12/2004	Tiền Giang	A2	B408
10	A2-254	22631089	Lê Thị Thuỷ	Tiên	Nữ	05/01/2004	Bình Thuận	A2	B408
11	A2-255	22635030	Phạm Thị Mỹ	Tiên	Nữ	23/03/2004	Đồng Nai	A2	B408
12	A2-256	23635015	Võ Thị	Tiên	Nữ	15/03/2004	Tiền Giang	A2	B408
13	A2-257	22611067	Nguyễn Đức	Tiến	Nam	27/07/2001	Quảng Ngãi	A2	B408
14	A2-258	22641773	Nguyễn Hữu	Tiến	Nam	02/03/2004	Bình Thuận	A2	B408
15	A2-259	21641805	Phạm Minh	Tiến	Nam	27/09/2003	TP.HCM	A2	B408
16	A2-260	22641636	Phùng Bảo	Tiến	Nam	12/12/2004	TP.HCM	A2	B408
17	A2-261	22662037	Trần Phước	Toàn	Nam	29/08/2004	Long An	A2	B408
18	A2-262	22641292	Ngô Thị Bích	Trâm	Nữ	20/03/2004	Đắk Lắk	A2	B408
19	A2-263	21641767	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	Nữ	20/09/2003	Bình Thuận	A2	B408
20	A2-264	22641572	Nguyễn Thị Quế	Trân	Nữ	26/07/2003	Tiền Giang	A2	B408
21	A2-265	22641453	Trần Tổ Mỹ	Trân	Nữ	11/09/2003	TP.HCM	A2	B408
22	A2-266	22641893	Võ Hà	Trân	Nữ	27/12/2004	Bến Tre	A2	B408
23	A2-267	23634024	Võ Thị Huyền	Trân	Nữ	05/12/2005	Tây Ninh	A2	B408
24	A2-268	22682032	Nguy Lê Quyền	Trân	Nữ	12/03/2003	Long An	A2	B408
25	A2-269	23681033	Phạm Thị Quyền	Trân	Nữ	18/11/2005	Long An	A2	B408
26	A2-270	24641068	Cao Thị Huyền	Trang	Nữ	06/05/2003	Nghệ An	A2	B408
27	A2-271	22641446	Đậu Thị Huyền	Trang	Nữ	13/07/2003	Bình Phước	A2	B408
28	A2-272	23600134	Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	05/11/2005	Quảng Ngãi	A2	B408
29	A2-273	22641573	Lê Thị Thảo	Trang	Nữ	14/03/2004	Phú Yên	A2	B408
30	A2-274	22631231	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	13/12/2004	TP.HCM	A2	B408
31	A2-275	22641198	Mai Thị Thùy	Trang	Nữ	19/5/2004	Long An	A2	B408
32	A2-276	22641589	Nguyễn Thị Hồng	Trang	Nữ	02/06/2004	TP.HCM	A2	B408
33	A2-277	21631164	Nguyễn Thị kiều	Trang	Nữ	03/10/2003	TP.HCM	A2	B408
34	A2-278	22612094	Phan Huyền	Trang	Nữ	05/10/2004	Lâm Đồng	A2	B408

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.

Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Khóa thi: 15/9/2024 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-279	22631083	Trần Nguyễn Thảo	Trang	Nữ	10/06/2004	Đồng Nai	A2	A802
02	A2-280	22682038	Trần Thị Thuỳ	Trang	Nữ	04/06/2003	Đồng Nai	A2	A802
03	A2-281	22611168	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	Nữ	11/03/2004	Vĩnh Long	A2	A802
04	A2-282	23662003	Huỳnh Tấn	Triển	Nam	03/09/2003	Đồng Tháp	A2	A802
05	A2-283	22641326	Lê Kiều Phụng	Triều	Nữ	12/02/2003	TP.HCM	A2	A802
06	A2-284	23641107	Dương Thị Tú	Trinh	Nữ	15/08/2005	Long An	A2	A802
07	A2-285	23631023	Hồ Thị	Trinh	Nữ	15/10/2002	Đắk Lắk	A2	A802
08	A2-286	22641410	Nguyễn Nhật	Trinh	Nữ	27/07/2004	Quảng Ngãi	A2	A802
09	A2-287	22631421	Phạm Thị Ngọc	Trinh	Nữ	01/10/2004	Quảng Ngãi	A2	A802
10	A2-288	23635006	Tô Lê Phương	Trinh	Nữ	20/04/2003	TP.HCM	A2	A802
11	A2-289	23635161	Trần Phương	Trinh	Nữ	27/01/2005	Đồng Nai	A2	A802
12	A2-290	22641151	Trịnh Thị	Trinh	Nữ	24/01/2004	TP.HCM	A2	A802
13	A2-291	22641791	Nguyễn Ngọc Minh	Trọng	Nam	06/10/2004	TP.HCM	A2	A802
14	A2-292	23600084	Trần Hữu	Trọng	Nam	27/10/2003	Đồng Tháp	A2	A802
15	A2-293	22611044	Lê Thị Thanh	Trúc	Nữ	18/06/2004	Long An	A2	A802
16	A2-294	22641240	Trịnh Thị Kim	Trúc	Nữ	24/01/2004	TP.HCM	A2	A802
17	A2-295	22661140	Lê Nhật	Trường	Nam	08/06/2004	Tiền Giang	A2	A802
18	A2-296	22631485	Khuông Thị Cẩm	Tú	Nữ	07/09/2004	Bình Phước	A2	A802
19	A2-297	23635027	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	15/05/2005	Bến Tre	A2	A802
20	A2-298	21641055	Phan Thị Cẩm	Tú	Nữ	03/12/2003	Long An	A2	A802
21	A2-299	22641094	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	16/01/2004	Quảng Ngãi	A2	A802
22	A2-300	22662039	Mai Huỳnh	Tuấn	Nam	10/03/2003	TP.HCM	A2	A802
23	A2-301	22631562	Nguyễn Ngọc	Tuấn	Nam	04/07/2004	TP.HCM	A2	A802
24	A2-302	22641185	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	20/11/2002	TP.HCM	A2	A802
25	A2-303	22641071	Nguyễn Ngọc Cát	Tường	Nữ	14/10/2004	Long An	A2	A802
26	A2-304	23600265	Bùi Thị Thanh	Tuyền	Nữ	28/11/2005	TP.HCM	A2	A802
27	A2-305	22641262	Huỳnh Kim	Tuyền	Nữ	06/10/2003	TP.HCM	A2	A802
28	A2-306	23600108	Huỳnh Minh	Tuyền	Nữ	16/03/2003	Bến Tre	A2	A802
29	A2-307	22631560	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	31/08/2004	Long An	A2	A802
30	A2-308	21631043	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	22/11/2003	Quảng Ngãi	A2	A802
31	A2-309	22641281	Võ Thị Thanh	Tuyền	Nữ	28/11/2004	Kon Tum	A2	A802
32	A2-310	22641517	Đinh Mộng Ánh	Tuyết	Nữ	11/09/2004	Đồng Nai	A2	A802
33	A2-311	22641191	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	07/04/2004	Quảng Ngãi	A2	A802
34	A2-312	22631450	Vũ Thị	Tuyết	Nữ	02/10/2002	Bắc Giang	A2	A802

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Khóa thi: 15/9/2024 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-313	22611191	Nguyễn Thành Kim	Ung	Nam	04/05/2004	à Rịa - Vũng T	A2	A803
02	A2-314	22635058	Lê Thị Thảo	Uyên	Nữ	10/01/2004	Bình Phước	A2	A803
03	A2-315	23635035	Lý Huỳnh Tố	Uyên	Nữ	08/03/2005	TP.HCM	A2	A803
04	A2-316	23641442	Phan Thanh	Uyên	Nữ	14/08/2005	TP.HCM	A2	A803
05	A2-317	22635042	Nguyễn Thị Phương	Uyên	Nữ	28/10/2004	Bến Tre	A2	A803
06	A2-318	22682026	Lê Thị Thuỳ	Vân	Nữ	05/10/2004	TP.HCM	A2	A803
07	A2-319	22631397	Nguyễn Ngọc Hải	Vân	Nữ	06/07/2004	Bình Thuận	A2	A803
08	A2-320	22635082	Đinh Nhật Tường	Vi	Nữ	11/07/2004	Kiên Giang	A2	A803
09	A2-321	22635056	Nguyễn Thị	Vi	Nữ	30/10/2004	Bình Thuận	A2	A803
10	A2-322	20631083	Trần Thụy Thúy	Vi	Nữ	07/01/2001	Tiền Giang	A2	A803
11	A2-323	22662042	Bùi Xuân	Vĩnh	Nam	25/07/2004	Đồng Nai	A2	A803
12	A2-324	22661131	Định Hà Long	Vũ	Nam	10/09/2003	TP.HCM	A2	A803
13	A2-325	21641035	Hà Văn Tuấn	Vũ	Nam	19/11/1999	Hà Tĩnh	A2	A803
14	A2-326	22641777	Hoàng Phước	Vũ	Nam	22/08/2004	Đồng Nai	A2	A803
15	A2-327	22631323	Nguyễn Sơn Anh	Vũ	Nam	17/07/2004	TP.HCM	A2	A803
16	A2-328	22611164	Châu Khả	Vy	Nữ	14/09/2004	Đồng Tháp	A2	A803
17	A2-329	23635014	Đỗ Lê Tường	Vy	Nữ	02/11/2004	TP.HCM	A2	A803
18	A2-330	22641257	Lê Thị Thảo Vy	Vy	Nữ	22/02/2004	Bình Phước	A2	A803
19	A2-331	22641265	Lê Thúy	Vy	Nữ	12/04/2004	Long An	A2	A803
20	A2-332	23681046	Nguyễn Hà Tường	Vy	Nữ	10/07/2005	TP.HCM	A2	A803
21	A2-333	22641074	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	Nữ	12/09/2002	TP.HCM	A2	A803
22	A2-334	21631039	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	Nữ	17/02/2003	TP.HCM	A2	A803
23	A2-335	22641311	Nguyễn Thị Kim	Vy	Nữ	18/07/2004	Bến Tre	A2	A803
24	A2-336	22682013	Nguyễn Trần Tường	Vy	Nữ	22/12/2003	Long An	A2	A803
25	A2-337	23635134	Trần Phương	Vy	Nữ	18/02/2005	TP.HCM	A2	A803
26	A2-338	21641419	Trần Triệu	Vy	Nữ	24/09/2003	Bến Tre	A2	A803
27	A2-339	21641588	Trần Tường	Vy	Nữ	26/09/2003	TP.HCM	A2	A803
28	A2-340	22641515	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	08/02/2004	Bình Thuận	A2	A803
29	A2-341	22661006	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	02/12/2003	Bình Thuận	A2	A803
30	A2-342	22641837	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	05/08/2004	An Giang	A2	A803
31	A2-343	22641715	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	01/04/2004	TP.HCM	A2	A803
32	A2-344	23631196	Lê Thị Hồng	Yến	Nữ	25/01/2005	Đồng Tháp	A2	A803
33	A2-345	22631042	Nguyễn Thị Hồng	Yến	Nữ	24/05/2002	TP.HCM	A2	A803
34	A2-346	22651025	Trần Vương Bảo	Yến	Nữ	28/09/2004	TP.HCM	A2	A803

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Khóa thi: 15/9/2024 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	B1-01	22613253	Đặng Nhật	Anh	Nam	13/02/2002	Long An	B1	B807
02	B1-02	22613144	Vương Thế	Cầm	Nam	19/11/2004	TP.HCM	B1	B807
03	B1-03	22613161	Nguyễn Ngọc Đan	Đan	Nữ	08/01/2004	Đồng Nai	B1	B807
04	B1-04	22613218	Trần Thị Tuyết	Dung	Nữ	10/4/2003	Đồng nai	B1	B807
05	B1-05	22613011	Ngô Minh	Duy	Nam	14/03/1999	TP.HCM	B1	B807
06	B1-06	22611202	Phan Thị	Duyên	Nữ	05/05/2004	Quảng Nam	B1	B807
07	B1-07	22613183	Trần Thị Kim	Gấm	Nữ	12/08/2004	Tây Ninh	B1	B807
08	B1-08	22613151	Võ Thị Thu	Hằng	Nữ	29/10/2004	Bình Thuận	B1	B807
09	B1-09	22613158	Huỳnh Văn	Hoàng	Nam	13/06/2004	Khánh Hoà	B1	B807
10	B1-10	22635098	Trần Phi	Hùng	Nam	14/04/2003	TP.HCM	B1	B807
11	B1-11	22613207	Nguyễn Thị Khánh	Huỳnh	Nữ	10/01/2004	Bến Tre	B1	B807
12	B1-12	22613208	Phạm Anh	Kiệt	Nam	28/11/2004	Tây Ninh	B1	B807
13	B1-13	22613165	Dương Hồng	Long	Nam	16/04/2004	TP.HCM	B1	B807
14	B1-14	22613146	Bùi Quốc Anh	Minh	Nam	18/05/2004	Đồng Nai	B1	B807
15	B1-15	22613166	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	06/11/2003	Cà Mau	B1	B807
16	B1-16	21612166	Lê Thảo	Nguyên	Nữ	27/06/2003	Long An	B1	B807
17	B1-17	22613191	Lê Tuấn	Phong	Nam	03/02/2004	Bình Định	B1	B807
18	B1-18	23661070	Hồ Lâm	Phuong	Nam	11/09/2005	TP.HCM	B1	B807
19	B1-19	22613164	Lâm Thụy	Quân	Nữ	11/10/2004	Long An	B1	B807
20	B1-20	22613159	Đỗ Lý Mạnh	Quyên	Nam	13/05/2002	à Rịa - Vũng T	B1	B807
21	B1-21	22613171	Võ Đức	Tín	Nam	04/07/2004	Phú Yên	B1	B807
22	B1-22	22613133	Hứa Bảo	Trâm	Nữ	15/07/2003	TP.HCM	B1	B807
23	B1-23	22613213	Võ Thị Ánh	Tuyết	Nữ	10/01/2004	Quảng Ngãi	B1	B807
24	B1-24	22613126	Nguyễn Phúc	Vinh	Nam	23/05/2003	Đồng Nai	B1	B807
25	B1-25	22682031	Nguyễn Văn Quang	Vinh	Nam	28/02/2004	TP.HCM	B1	B807
26	B1-26	22641739	Dương Yên	Vy	Nữ	06/09/2001	à Rịa - Vũng T	B1	B807
27	B2-01	22621094	Lương Trịnh Thanh	Hiền	Nữ	30/11/2004	TP.HCM	B2	B807
28	B2-02	22621030	Nguyễn Bảo Thiên	Hương	Nữ	05/10/2003	Lâm Đồng	B2	B807
29	B2-03	22621168	Phạm Lê Phương	Lâm	Nữ	02/06/2004	Quảng Ngãi	B2	B807
30	B2-04	22621091	Vũ Trần Hồng	Lan	Nữ	26/12/2004	Đồng Nai	B2	B807
31	B2-05	22621047	Lê Gia	Quỳnh	Nữ	05/11/2004	TP.HCM	B2	B807
32	B2-06	22621035	Lý Nhuận	San	Nữ	21/07/2001	TP.HCM	B2	B807
33	B2-07	22621057	Nguyễn Dương Phương	Thảo	Nữ	09/02/1997	Bình Thuận	B2	B807
34	B2-08	22621014	Phạm Đặng Bảo	Trân	Nữ	15/08/2002	TP.HCM	B2	B807
35	B2-09	22621180	Trương Triệu	Vi	Nữ	25/12/2004	Đồng Nai	B2	B807

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.